

Bản án số: 137 /2018/DS-ST

Ngày 31/8/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Khánh

2. Ông Đoàn Văn Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2018/TLST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54 /2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Nhơn Hòa 7, H, C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: K221/9 T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Ngày 10 tháng 02 năm 2017 âm lịch do cần tiền sử dụng cá nhân Bà Trần Thị M có mượn của bà số tiền 36.000.000đ. Ngày 06 tháng 7 năm 2017 Bà Trần Thị M tiếp tục mượn của bà số tiền 300.000.000đ, cả 02 lần mượn tiền Bà Trần Thị M có viết giấy mượn tiền, và không thỏa thuận tính lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả. Theo đơn khởi kiện Bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Bà Trần Thị M phải trả số tiền 336.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước từ ngày 06 tháng 8 năm 2017. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Bà Nguyễn Thị H có đơn xin rút phần lãi, bà yêu cầu Bà Trần Thị M trả 336.000.000đ tiền gốc.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử bị đơn Bà Trần Thị M trình bày: Vào tháng 11 năm 2016 bà có vay của Bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000đ, mỗi tháng bà trả cho Bà Nguyễn Thị H 30.000.000đ, bà đã trả cho Bà Nguyễn Thị H được 08 tháng tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2016 với tổng cộng tiền lãi là 240.000.000đ. Đến ngày 06 tháng 7 năm 2017 Bà Nguyễn Thị H buộc bà viết giấy mượn tiền với số tiền 300.000.000đ, còn đối với số tiền 36.000.000đ bà nợ Bà Nguyễn Thị H là tiền chơi biêu. Đến thời điểm trước khi bà bỏ đi (tháng 9 năm 2017) bà trả cho Bà Nguyễn Thị H 20.000.000đ có giấy tờ trả bà sẽ cung cấp sau. Nay Bà Nguyễn Thị H yêu cầu bà trả 336.000.000đ bà đồng ý trả, nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ, vì hiện tại bà không có khả năng trả một lần cho Bà Nguyễn Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của Bà Nguyễn Thị H đòi Bà Trần Thị M trả số tiền 336.000.000đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng) HĐXX nhận thấy:

Căn cứ vào nội dung giấy vay tiền ngày 10 tháng 02 năm 2017 âm lịch thì Bà Trần Thị M có nợ của bà Nguyễn Thị H chân biêu với số tiền 36.000.000đ và giấy mượn tiền ngày 06 tháng 7 năm 2017 Bà Trần Thị M mượn của Bà Nguyễn Thị H số tiền 300.000.000đ, không thỏa thuận tính lãi suất, không thỏa thuận thời gian trả.

HĐXX xét thấy đây là hợp đồng vay tiền không có lãi và không có thời hạn, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2018 bị đơn Bà Trần Thị M khai thực tế vay có lãi mỗi tháng Bà Trần Thị M trả cho Bà Nguyễn Thị H 30.000.000đ tiền lãi, Bà Trần Thị M đã trả được 08 tháng với số tiền 240 triệu đồng nhưng Bà Nguyễn Thị H không thừa nhận và Bà Trần Thị M không chứng minh được Bà Nguyễn Thị H đã nhận số tiền này nên không thể thỏa mãn yêu cầu của Bà Trần Thị M được.

Tại bản tự khai ngày 23 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử bị đơn Bà Trần Thị M thừa nhận có vay của Bà Nguyễn Thị H số tiền 336.000.000đ, nay Bà Nguyễn Thị H đòi, Bà Trần Thị M đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc Bà Trần Thị M đã vay của Bà Nguyễn Thị H 336.000.000đ là có thật. Vì vậy buộc Bà Trần Thị M phải trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền 336 triệu đồng tiền gốc là phù hợp với khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin rút phần lãi, không yêu cầu bà Trần Thị M trả lãi suất. Xét thấy đây là sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị H, phù hợp quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận không đề cập giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm Bà Trần Thị M phải chịu là $336.000.000đ \times 5\% = 16.800.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 280, 357, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 147, 186, 266 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về lệ phí, án phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc Bà Trần Thị M trả cho Bà Nguyễn Thị H 336.000.000đ (Ba trăm ba mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị M phải chịu là 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 261 ngày 26.01.2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hai

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA